TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỜ ĐỎ** **TP. CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2021/HNGĐ-ST
Ngày 13-4-2021
V/v ly hôn giữa anh D và chị H

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Viễn
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Thanh Vũ
2. Bà Nguyễn Thị Huệ

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Võ Thị Phi Liễu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Ông Lưu Quốc Phú – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Ngày 13 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 307/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 74/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1976. Địa chỉ: Ấp ĐP, xã ĐH, huyện CĐ, thành phố Cần Thơ "có mặt"

2. Bị đơn: Chị Đào Thị H, sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp ĐP, xã ĐH, huyện CĐ, thành phố Cần Thơ "có mặt"

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 18/11/2020, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày: Anh D và chị H xác lập hôn nhân năm 2002; có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cải vã bất hòa. Vợ chồng nhiều lần tìm cách khắc phục nhưng mâu thuẫn lại phát sinh ngày càng gay gắt. Vợ chồng ly thân từ tháng 02/2020 đến nay. Xét thấy,

vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau nên anh D xin ly hôn. Về nuôi con chung: Anh, chị có 02 con chung tên Nguyễn Công C sinh ngày 09/12/2003 và Nguyễn Văn T sinh ngày 23/9/2008. Về tài sản chung: Anh, chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nghĩa vụ trả nợ: Anh, chị xác định không có.

Bị đơn chị Đào Thị H thống nhất với lời trình bày của anh D về thời gian tiến tới hôn nhân, con chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng theo anh D trình bày là chưa đúng. Nguyên nhân vợ chồng thường hay cải vả là do áp lực kinh tế, gánh nặng gia đình nên chị có lớn tiếng với chồng. Anh D xin ly hôn chị không đồng ý, chị mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái.

Tại phiên tòa:

Anh D, chị H thuận tình ly hôn. Con chung anh D đồng ý giao cho chị H nuôi dưỡng. Anh D tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Thức mỗi tháng 1.000.000đồng, cho đến khi cháu Thức tròn 18 tuổi. Tài sản chung: Anh, chị tự thỏa thuận. Nghĩa vụ chung: không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng, việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh D và chị H. Con chung giao cho chị H nuôi dưỡng, ghi nhận anh D tự nguyện cấp dưỡng cho cháu T mỗi tháng 1.000.000đồng, cho đến khi cháu T tròn 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh D và chị H xác lập hôn nhân năm 2002 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng có thời gian chung sống hạnh phúc nhưng gần đây phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, bất hòa. Chị H thừa nhận vợ chồng không hợp nhau, do áp lực kinh tế, gánh nặng gia đình nên chị thường xuyên lớn tiếng với chồng, chị và anh D nhiều lần tìm biện pháp khắc phục nhưng không giải quyết được, mâu thuẫn phát sinh ngày càng gây gắt hơn. Do đó, chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh D. Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận thuận tình ly hôn giữa anh D và chị H.

[2] Về nuôi con chung: Anh D đồng ý giao 02 con cho chị H nuôi dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng cho cháu Thức mỗi tháng 1.000.000đồng. Chị H không yêu cầu

cấp dưỡng nuôi cháu Chánh. Xét thấy, anh chị tự thỏa thuận được vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

[3] Về chia tài sản: Anh, chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nghĩa vụ trả nợ: Anh, chị xác định không có.

[5] Về án phí: Anh D phải nộp 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và phải nộp 300.000đồng án phí cấp dưỡng theo quy định tại điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55; Điều 81, Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 17 Luật Phí và lệ phí; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn D và chị Đào Thị H.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Công C sinh ngày 09/12/2003 và Nguyễn Văn T sinh ngày 23/9/2008 cho chị H nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự thỏa thuận anh D cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng 1.000.000đồng cho đến khi cháu T tròn 18 tuổi. Thời gian thực hiện cấp dưỡng tính từ tháng 5/2021. Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu C.

Anh D được quyền thăm và chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Về chia tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Nghĩa vụ trả nợ: Không có.

5. Về án phí: Anh Nguyễn Văn D phải nộp 300.000đồng án phí sơ thẩm ly hôn và 300.000đồng án phí cấp dưỡng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đồng anh D đã nộp theo biên lai thu số 013505 ngày 08/12/2020, anh D còn phải nộp thêm 300.000đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CĐ, thành phố Cần Thơ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thị hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai, tuyên án có mặt nguyên đơn, bị đơn.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện CĐ
- Chi cục THADS huyện CĐ;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG X ÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Minh Viễn